TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thuý

Bà Nguyễn Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2021/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Bích H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 02/422 đường TT, phường BB, Quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn T, sinh năm 1984; địa chỉ: 1-45 Carroll Street, Toronto, Ontario M4M 3G 1, Canada; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nhận ngày 05 tháng 7 năm 2021, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Vũ Bích H trình bày:

Năm 2008, chị H và anh T quen biết nhau. Năm 2014, chị H và anh T chung sống với nhau và có một con chung Nguyễn Yến Nhi, sinh ngày 16/12/2014. Tuy nhiên, đến ngày 23 tháng 11 năm 2017, anh T, chị H mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Quận LC, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu, cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận. Từ cuối năm 2019, quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chính là do anh T thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm và không quan tâm đến vợ con. Anh T có quốc tịch Canada, tự ý huỷ thủ tục bảo lãnh cho chị H và con chung sang Canada sinh sống, đoàn tụ. Do mâu thuẫn nên hiện tại, chị H và anh T không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Anh T không có ý định quay trở về Việt Nam. Nay nhận thấy tình cảm với anh T không còn và để ổn định cuộc sống đề nghị Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về quan hệ nuôi con chung: Chị H và anh T có một con chung là Nguyễn Yến Nhi, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2014. Chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trường hợp ly hôn, nguyện vọng của chị H là được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Chị H xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không tin tưởng chị H, không còn quan tâm đến chị H và con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi chị H được ly hôn với anh T và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn với anh T; về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Yến Nhi cho chị H nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Anh Nguyễn T vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp Việt Nam cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo việc Tòa án đang giải quyết việc xin ly hôn giữa chị H và anh T. Ngày 07/9/2021, Tòa án nhận được văn bản trả lời số 2051/CH-BTP ngày 26/8/2021 của Bộ Tư pháp về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cho Bộ Tổng Chưởng lý Toà án bang Ontario, Canada để thực hiện việc ủy thác và gửi lại kết quả cho Bộ Tư pháp. Ngày 10/6/2022, Toà án tiếp tục nhận được Công văn số 1287/BTP-PLQT ngày 25/5/2022 của Bộ Tư pháp cho biết, Cơ quan có thẩm quyền của Canada không thực hiện được uỷ thác tư pháp vì anh T không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu. Toà án đã tiến hành thông báo cho anh T trên Cổng thông tin điện tử của Toà án, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam, nhưng sau 01 tháng, Toà án không nhận được phản hồi của anh T nên Toà án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Bích H và anh Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận LC, thành phố Hải Phòng ngày 23/11/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hoà thuận trong vài năm đầu, sau đó quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng sâu sắc. Nguyên nhân chính là do khoảng cách địa lý giữa hai bên, anh T không tin tưởng chị H; không quan tâm, không còn tình cảm với chị H và đã huỷ bỏ thủ tục bảo lãnh cho chị H sang sinh sống cùng anh T tại Canada. Nay chị H xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục nên căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Bích H và anh Nguyễn T có một con chung là cháu Nguyễn Yến Nhi, sinh ngày 16/12/2014. Từ khi cháu Nhi được sinh ra đến nay vẫn sống cùng chị H. Hiện tại, anh T đang sinh sống ở nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc cháu Nhi. Nguyện vọng của cháu Nhi là muốn được chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cùa cháu Nhi, điều kiện thực tế của anh T và chị H, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị H – Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị Bích H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp theo quy định pháp luật - Điều 146; khoản 4 Điều 147, Điều

153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 153, điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Bích H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Bích H được ly hôn với anh Nguyễn T.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Yến Nhi, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2014 cho chị Vũ Bích H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị Vũ Bích H không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

Anh Nguyễn T có quyền thăm nom con, chị Vũ Bích H không được cản trở anh Nguyễn T thực hiện quyền này. Anh Nguyễn T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Vũ Bích H không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị Bích H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và các chi phí tố tụng khác, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng và số tiền ủy thác tư pháp là 200.000 đồng tại Biên lai thu số 0018975, ngày 13/7/2021, Biên lại thu số 0014951, ngày 19/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; Phiếu thu ngày 26/7/2022 của Ban đối ngoại, Đài tiếng nói Việt Nam. Chị Vũ Bích H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và các chi phí tố tụng.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án chị Vũ Bích H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND Quận LC, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Phương